

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 445/2025/DS-ST
Ngày: 12/6/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Tấn Đ, Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Thành N – thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu H – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, T1 phố Hịa Chí M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 652/2024/DSST ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 722/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Văn Tiến D – sinh năm 1978; Địa chỉ liên hệ: 4 Đường số C, Cư xá Đ, phường D, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền : bà Nguyễn Hồng A (có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Thanh H1 – sinh năm 1977 (có mặt) và bà Phan Thị Phương C1 – sinh năm 1975 (vắng mặt); Cùng địa chỉ : 2 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Ngọc Tiểu P – sinh năm 1979 (vắng mặt); Địa chỉ : 2 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2024 và tại bản tự khai, các ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/3/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng A trình bày: Ông Văn Tiến D là người cùng góp vốn hợp tác kinh doanh chăn nuôi gia súc, gia cầm với ông Phan Thanh H1 và bà Phan Thị Phương C1. Ngày 10/10/2022, ông

H1 và bà C1 đã cùng ký Biên bản xác nhận công nợ, theo đó, sau khi đối chiếu kết quả kinh doanh từ ngày 27/4/2016 đến ngày 11/10/2019, các Bên xác nhận lợi nhuận của ông Văn Tiến D được hưởng như sau: Lợi nhuận từ việc nuôi gia công cho B: 2.454.473.167 (hai tỷ bốn trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bảy) đồng; Lợi nhuận từ việc nuôi gà tại 03 trại Ông P1 là: 456.429.273 (bốn trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi ba) đồng. Tổng cộng số tiền lợi nhuận mà ông D được hưởng là: 2.910.902.440 (hai tỷ chín trăm mười triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng. Ngoài ra, trong quá trình hợp tác kinh doanh chung, ông D có các khoản đóng góp và cho vay với số tiền cụ thể như sau: Đặt cọc tiền thuê 06 trại: 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, Đặt cọc tiền thuê 03 trại: 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) đồng, C2 vay tiền xin thuê đất: 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, Cho vay tiền đặt cọc 03 trại: 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, Cho vay tiền hoạt động 03 trại: 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Tổng các khoản đóng góp và cho vay là 1.870.000.000 (một tỷ tám trăm bảy mươi triệu) đồng. Như vậy, tổng số tiền lợi nhuận, đóng góp và tiền cho vay của ông D là 4.780.902.440 (bốn tỷ bảy trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng. Tính đến ngày lập Biên bản xác nhận công nợ (ngày 10/10/2022), ông H1 và bà C1 chỉ mới thanh toán cho ông D tổng số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, còn nợ lại số tiền 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng ông H1 và bà C1 xin trả từng đợt bắt đầu từ tháng 01/2023. Mặc dù, ông D đã rất thiện chí khi nhiều lần cho gia hạn thời gian thanh toán, tạo điều kiện để ông H1, bà C1 sắp xếp nguồn tài chính. Tuy nhiên, trái ngược với sự thiện chí của ông D, ông H1 và bà C1 đã chiếm giữ không hoàn trả toàn bộ số tiền 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng tính đến nay đã gần 02 (hai) năm. Ngày 04/7/2024, tại Văn phòng Công ty TNHH L đại diện theo ủy quyền hợp pháp của ông D – bà Lê Thị Thúy P2 và bà Đoàn Phạm Yến N1 đã có buổi làm việc với ông H1 và bà C1 liên quan đến công nợ nêu trên giữa các bên. Theo đó, tại Biên bản làm việc và Xác nhận công nợ ngày 04/7/2024, thì các bên ghi nhận các vấn đề sau: Các vấn đề đã thống nhất được: Ông H1 và bà C1 còn nợ ông D số tiền gốc là 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng theo đúng Biên bản xác nhận công nợ ngày 10/10/2022; Tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 tạm tính đến ngày 04/7/2024 (ngày lập Biên bản làm việc và Xác nhận công nợ) là 495.281.437 đồng (bốn trăm chín mươi lăm triệu hai trăm tám mươi một nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng); Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 05/7/2024 đến khi tất toán xong công nợ gốc. Các vấn đề không thống nhất được: Các Bên không thống nhất được phương án và tiến độ trả nợ; Ông H1 và bà C1 đề nghị cho thời gian 01 (một) tuần tính từ ngày lập Biên bản làm việc và Xác nhận công nợ (ngày 04/7/2024) để về bàn bạc, cân đối lại tài chính và phản hồi chính thức về phương án, tiến độ thanh toán trên. Các bên thống nhất quá thời hạn nêu trên mà ông H1, bà C1 không có phản hồi thì được xem là các bên không thống nhất được phương án và tiến độ trả nợ, ông D được quyền đưa vụ việc ra Cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật. Mọi trách nhiệm phát sinh ông H1 và bà C1 có nghĩa vụ chịu theo quy định pháp luật. Kể từ ngày các bên có buổi làm việc và xác nhận công nợ (ngày 04/7/2024) đến nay (ngày nộp Bản tư khai – ngày 10/12/2024), đã hơn 05 (năm) tháng, ông H1 và bà C1 vẫn không thực hiện thanh toán bất kỳ số tiền nào đối với số tiền nợ gốc

3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng cùng với lãi chậm trả phát sinh tương ứng cho ông D. Bên cạnh đó, cũng quá thời hạn 01 (một) tuần kể từ ngày lập Biên bản làm việc và Xác nhận công nợ (ngày 04/7/2024), nhưng ông H1 và bà C1 vẫn không đưa ra ý kiến về phương án và tiến độ thanh toán công nợ cho ông D. Việc ông H1 và bà C1 cố tình trốn tránh nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng cùng với lãi chậm trả phát sinh tương ứng đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Nguyên đơn yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông Phan Thanh H1 và bà Phan Thị Phương C1 cùng liên đới thanh toán cho ông Văn Tiến D các khoản tiền sau đây: Thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc: 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng. Thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả (3.280.902.440 đồng) trong thời gian chậm trả. Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, tạm tính đến ngày nộp Bản tự khai – ngày 05/03/2025 (795 ngày) là: $3.280.902.440 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 795 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 714.607.518$ (bảy trăm mười bốn triệu sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm mười tám) đồng. Tổng các khoản tiền nợ gốc và lãi chậm trả ông Phan Thanh H1 và bà Phan Thị Phương C1 phải thanh toán cho ông Văn Tiến D tạm tính là 3.995.509.958 (ba tỷ chín trăm chín mươi năm triệu năm trăm linh chín nghìn chín trăm năm mươi tám) đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên ông Phan Thanh H1 và bà Phan Thị Phương C1 cùng liên đới thanh toán cho ông Văn Tiến D một lần ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/4/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng A cho biết nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau : Yêu cầu ông Phan Thanh H1, bà Phan Thị Phương C1 và bà Nguyễn Ngọc Tiểu P cùng liên đới thanh toán cho ông Văn Tiến D các khoản tiền sau đây: Thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc: 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng và Thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả (3.280.902.440 đồng) trong thời gian chậm trả. Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, tạm tính đến ngày nộp Bản tự khai – ngày 02/4/2025 (823 ngày) là: $3.280.902.440 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 823 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 739.776.084$ (bảy trăm ba mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm tám mươi bốn) đồng. Tổng các khoản tiền nợ gốc và lãi chậm trả ông Phan Thanh H1, bà Phan Thị Phương C1 và bà Nguyễn Ngọc Tiểu P phải thanh toán cho ông Văn Tiến D tạm tính là 4.020.678.524 (bốn tỷ không trăm hai mươi triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm hai mươi bốn) đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên các đương sự cùng liên đới thanh toán cho ông Văn Tiến D một lần ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, các buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Phan Thanh H1 trình bày : Ông xác nhận góp vốn hợp tác kinh doanh chăn nuôi gia súc, gia cầm với ông Văn Tiến D đúng như phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ông xác nhận số tiền tạm tính đến ngày 05/3/2025 ông và chị ruột ông bà Phan Thị Phương C1 còn nợ số tiền nợ gốc: 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng và Thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm

trên số tiền chậm trả (3.280.902.440 đồng) trong thời gian chậm trả. Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, tạm tính đến ngày nộp Bản tự khai – ngày 05/03/2025 (795 ngày) là: $3.280.902.440 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 795 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 714.607.518$ (bảy trăm mười bốn triệu sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm mười tám) đồng. Phương thức thanh toán: ông xin được giảm lãi và thanh toán toàn bộ số nợ gốc trong thời hạn 05 (năm) năm tính từ ngày hòa giải. Ông cho biết ông không thể liên lạc được với bà Phan Thị Phương C1 nên không biết chính xác nơi ở hiện nay của bà C1. Ông xác nhận nơi cư ngụ cuối cùng của bà C1 tại địa chỉ 2 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C1 đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 04 năm 2024, chồng và con của bà C1 không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng A trình bày như sau: nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, nhưng thay đổi lại những người liên đới thanh toán nợ cho ông D, cụ thể yêu cầu ông Phan Thanh H1 và bà Phan Thị Phương C1 cùng liên đới thanh toán cho ông Văn Tiến D các khoản tiền sau đây: Thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc: 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng và Thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả (3.280.902.440 đồng) trong thời gian chậm trả. Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến phiên tòa sơ thẩm ngày 12/6/2025 (893 ngày) là: $3.280.902.440 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 893 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 802.697.501$ (tám trăm linh hai triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm linh một) đồng. Tổng các khoản tiền nợ gốc và lãi chậm trả ông Phan Thanh H1, bà Phan Thị Phương C1 phải thanh toán cho ông Văn Tiến D tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/6/2025) là 4.083.599.941 (bốn tỷ không trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi một) đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên các đương sự cùng liên đới thanh toán cho ông Văn Tiến D một lần ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Thanh H1 vẫn giữ nguyên lời trình bày, ông xác nhận ông và bà Nguyễn Ngọc Tiểu P chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2005, hiện nay vẫn còn là vợ chồng theo quy định pháp luật. Ông cho biết bà P biết việc hợp tác kinh doanh của ông nhưng bà P hoàn toàn không liên quan đến phần nợ ông D. Ông xác nhận cá nhân ông và chị ruột của ông bà Phan Thị Phương C1 hợp tác kinh doanh, cùng ký biên bản xác nhận nợ theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Bị đơn bà Phan Thị Phương C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Tiểu P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ đều tuân đúng quy định pháp luật theo các Điều 68, từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, Điều 146, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 385, Điều 386, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐ đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Các bên đương sự cùng xác nhận đã góp vốn hợp tác kinh doanh chăn nuôi gia súc, gia cầm phù hợp theo quy định tại Điều 385, Điều 386 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phan Thanh H1 cho biết ông không thể liên lạc được với bà Phan Thị Phương C1 nên không biết chính xác nơi ở hiện nay của bà C1. Ông xác nhận nơi cư ngụ cuối cùng của bà C1 tại địa chỉ 2 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C1 đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 04 năm 2024, chồng và con của bà C1 không có mặt tại địa phương. Do các bị đơn có hộ khẩu thường trú, nơi cư ngụ tại quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án : Bị đơn bà Phan Thị Phương C1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Tiểu P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh H1 và bà Phan Thị Phương C1 cùng liên đới thanh toán cho ông Văn Tiến D các khoản tiền sau đây: Thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc: 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng và thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả (3.280.902.440 đồng) trong thời gian chậm trả. Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến phiên tòa sơ thẩm ngày 12/6/2025 (893 ngày) là: $3.280.902.440 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 893 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 802.697.501$ (tám trăm linh hai triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm linh một) đồng. Tổng các khoản tiền nợ gốc và lãi chậm trả ông Phan Thanh H1, bà Phan Thị Phương C1 phải thanh toán cho ông Văn Tiến D tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/6/2025) là 4.083.599.941 (bốn tỷ không trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi một) đồng.

Xét thấy tại tất cả các buổi làm việc bị đơn ông Phan Thanh H1 xác nhận việc góp vốn hợp tác kinh doanh chăn nuôi gia súc, gia cầm giữa ông và chị ruột bà Phan Thị Phương C1 với ông Văn Tiến D đúng như phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Ông H1 xác nhận giữa ông và bà Phan Thị Phương C1 còn nợ nguyên đơn số tiền gốc theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 10/10/2022 là 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều

92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự không thống nhất, hòa giải được phương thức thanh toán nợ.

Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả (3.280.902.440 đồng) trong thời gian chậm trả là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016. Tiền lãi tính từ ngày 01/01/2023 đến phiên tòa sơ thẩm ngày 12/6/2025 (893 ngày) là: $3.280.902.440 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 893 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 802.697.501$ (tám trăm linh hai triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm linh một) đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét về người liên đới cùng thanh toán: Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn ông Phan Thanh H1 xác nhận ông và bà Nguyễn Ngọc Tiểu P chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2005, hiện nay vẫn còn là vợ chồng theo quy định pháp luật. Ông cho biết bà P biết việc hợp tác kinh doanh của ông nhưng bà P hoàn toàn không liên quan đến phần nợ ông D. Ông xác nhận cá nhân ông và chị ruột của ông bà Phan Thị Phương C1 hợp tác kinh doanh, cùng ký biên bản xác nhận nợ theo trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Phan Thanh H1 và bà Phan Thị Phương C1 phải cùng liên đới thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu, thời hạn thanh toán làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho ông Văn Tiến D là có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Những vấn đề khác : Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” được quy định tại Điều 128 Bộ luật tố tụng dân sự của Công ty TNHH L – là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Văn Tiến D đối với bị đơn ông Phan Thanh H1 theo Quyết định số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 13/12/2024. Quyết định này sẽ được xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, không phụ thuộc vào bản án này.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Văn Tiến D không phải chịu án phí. Các bị đơn ông Phan Thanh H1, bà Phan Thị Phương C1 phải chịu án phí là 112.083.599 (một trăm mười hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm chín mươi chín) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 92, Điều 146, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 385, Điều 386, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 12/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày

30/12/2016. Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Văn Tiến D

Ông Phan Thanh H1 và bà Phan Thị Phương C1 phải liên đới thanh toán cho ông Văn Tiến D toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/6/2025) là 4.083.599.941 (bốn tỷ không trăm tám mươi ba triệu năm trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi một) đồng trong đó tiền nợ gốc là: 3.280.902.440 (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm bốn mươi) đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả (3.280.902.440 đồng) trong thời gian chậm trả, tạm tính từ ngày 01/01/2023 đến phiên tòa sơ thẩm ngày 12/6/2025 là: $3.280.902.440 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 893 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 802.697.501$ (tám trăm linh hai triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm linh một) đồng.

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự : Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Văn Tiến D không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Văn Tiến D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 54.444.986 (năm mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi sáu) đồng theo Biên lai thu số 0040376 ngày 03/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, T1 phố Hịa Chí M. Ông Phan Thanh H1, bà Phan Thị Phương C1 phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 112.083.599 (một trăm mười hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm chín mươi chín) đồng.

Quyết định số 06/2024/QĐ-BPKCTT ngày 13/12/2024 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” được quy định tại Điều 128 Bộ luật tố tụng dân sự đối với bị đơn ông Phan Thanh H1. Quyết định này sẽ được xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, không phụ thuộc vào bản án này.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND TP . HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ ;

Nguyễn Thị Thanh Hiền